

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 83/2021/HS-ST  
Ngày 27-5-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Thanh Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Bà Nguyễn Kim Lý

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/HS-QĐ ngày 12/5/2021 đối với các bị cáo:

**1. Châu Hoài Â**, sinh ngày 26/02/2002, tại B; địa chỉ thường trú: Khu phố 4, phường C, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn T, sinh năm 1975 và bà Phạm Ngọc D, sinh năm 1976; có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 10/8/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B xử phạt 01 (một) năm tù giam về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 167/2020/HS-ST ngày 10/8/2020, đã đóng án phí; bị cáo hiện chấp hành án tại Trại giam X, Cục C10, Bộ Công an; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Phúc D** (tên gọi khác: D Nhỏ), sinh ngày 26/12/2002, tại V; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã H, huyện L, tỉnh V; chỗ ở hiện nay: Nhà trọ bà Sáu, đường P, phường H, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Thợ dán tem xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Tuyết V, sinh năm 1977; có 02 chị em, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không; được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**3. Trần Văn Th**, sinh ngày 01/3/2002, tại B; địa chỉ thường trú: 29/7 khu phố 6, phường C, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Ph, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Bích Th, sinh năm 1967; có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 10/8/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B xử phạt 06 tháng tù giam về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 167/2020/HS-ST ngày 10/8/2020, đã đóng án phí; bị cáo chấp hành án tại Trại giam X, Cục C10, Bộ Công an xong ngày 29/4/2021 được tại ngoại cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**4. Nguyễn Ngọc Tuấn T** (tên gọi khác Bi Em), sinh năm 2000, tại B; địa chỉ thường trú: Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1966; có 05 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 03/8/2020, Nguyễn Ngọc Tuấn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an thành phố T khởi tố vụ án ngày 11/3/2020, khởi tố bị can ngày 11/5/2020, ngày 13/4/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2021/HS-ST ngày 13/4/2021; bị bắt tạm giữ tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 06/02/2021 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Trần Quốc N, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh K. Vắng mặt.

2. Ông Danh Duy T, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K. Vắng mặt.

3. Ông Danh M, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Xuân Ph, sinh năm: 1970; địa chỉ thường trú: 29/7 khu phố 6, phường C, thành phố T, tỉnh B. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: 1101/1714, tổ 3, khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh B. Vắng mặt theo đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Ông Châu Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: Khu phố 4, phường C, thành phố T, tỉnh B. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Th cùng Nguyễn Phúc D có mối quan hệ quen biết với Châu Hoài Â và Nguyễn Ngọc Tuấn T do thường cùng nhau chơi game tại các tiệm internet trên địa bàn thành phố T, tỉnh B. Do không có tiền tiêu xài, Â rủ Th, D và T đi trộm cắp tài sản tại các khu nhà trọ, sau đó đem tài sản trộm được đi bán lấy tiền tiêu xài. Th, D và T đồng ý.

Khoảng 19 giờ ngày 01/6/2020, Th đang ở nhà tại khu phố 6, phường C thì nhận được tin nhắn từ Â nhắn tin qua tài khoản Facebook của Th với nội dung: “Tối đi làm không”, Th hiểu là Â rủ Th đi trộm cắp tài sản. Sau đó, Th điện thoại cho D rủ đi trộm cắp tài sản. Khoảng 21 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic màu đỏ đen, dán tem màu đỏ, biển số 61B2-042.46 đến chờ Th đi đến một quán cà phê không rõ tên gần Bệnh viện Đa khoa tỉnh B thì gặp Â đi cùng với D (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là bạn của Â bằng 01 xe mô tô nhãn hiệu Luvias màu đen, không rõ biển số. Sau đó, cả nhóm chờ nhau chạy lòng vòng thành phố T chơi, chờ đến nửa đêm sẽ đi trộm cắp tài sản.

Đến khoảng 00 giờ ngày 02/6/2020, Nguyễn Ngọc Tuấn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic màu đỏ trắng, biển số 61B2-074.68 chờ theo T1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi chơi tại khu vực vòng xoay Ngã Sáu thuộc phường P, thành phố, tỉnh B gặp nhau rồi đi trộm cắp tài sản. T liền rủ T1 đi. Khoảng 01 giờ ngày 02/6/2020, T chờ T1 đến đoạn đường TC1 giao với Quốc lộ 13 thuộc khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B thì gặp Th chờ D bằng xe mô tô biển số 61B2-042.46, Â chờ D bằng xe mô tô hiệu Luvias màu đen đến.

Sau đó, cả nhóm điều khiển xe chờ nhau đi tìm nhà trọ có sơ hở để trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ 40 phút cùng ngày, cả nhóm đến trước Nhà trọ Chúng Nếp tại đường H5, khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B thì T phát hiện nhà trọ không khóa cổng nên ra hiệu cho cả nhóm dừng xe. Th, Â đi bộ vào thì phát hiện phòng trọ số F5 không khóa cửa, hành lang trước cửa phòng có ông Trần Quốc N nằm ngủ trên nền hành lang, trong phòng có ông Danh D Tân nằm ngủ trên võng và có 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150, biển số 68G1-572.64 màu đỏ đen dựng ở giữa phòng, sát nhà vệ sinh, đầu xe quay vào trong, đuôi xe quay ra cửa phòng. Th lén lút bước vào thì phát hiện trên người ông Tân có để 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S màu đen, kẹp giữa bụng và võng, Th liền lấy điện thoại di động hiệu OPPO A5S bỏ vào túi của mình. Â ở ngoài phát hiện 01 điện thoại di động hiệu, SAMSUNG J2 màu vàng để trên bụng ông N nên lấy điện thoại bỏ vào túi quần của Â. Sau đó, Th bước ra ngoài đường để cảnh giới rồi kêu T và D vào hỗ trợ Â lấy xe mô tô. T và D đi vào phòng thì Â đứng trước cửa phòng cảnh giới, còn T đi vào trong phòng dắt xe mô tô biển số 68G1-572.64 ra đường. Â điều khiển xe mô tô vừa trộm được cùng cả nhóm tẩu thoát về thành phố T. Tại đây, Â, Th và T chạy vào một con hẻm trên đường Yersin, rồi T điện thoại cho T2 (chưa rõ lai

lịch) nói có xe mô tô vừa trộm được cần bán. Khoảng 05 phút sau, T2 cùng một thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) chạy đến, T điều khiển xe mô tô 68G1-572.64 cùng T2 đi đến bãi đất trống gần chùa Hội Khánh để giao xe, còn Á và Th, D, D1 và T1 chờ nhau đi ăn khuya, rồi cùng nhau đến công viên P chờ T. Sau khi, bán xe mô tô biển số 68G1-572.64 được 8.000.000 đồng. T đến khu vực công viên P đưa cho Á 5.000.000 đồng, kêu Á chia đều cho Th, D, D1 và Á mỗi người 1.250.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng thì T chia cho T1 1.500.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, Á và Th đem 02 điện thoại di động trộm được bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch được 860.000 đồng, Á chia cho Th và D 430.000 đồng, Th chia lại cho D 200.000 đồng, Á chia lại cho D1 200.000 đồng, Á được 230.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính từ việc bán xe mô tô và điện thoại di động, các bị can đã tiêu xài hết.

Đến tối ngày 11/6/2020, Á tiếp tục rủ D1, Th, D, Lê Thanh T3 (sinh năm 2001, hộ khẩu thường trú: Khu phố 9, phường C, thành phố Th, tỉnh B) và Lê Minh Nh (sinh năm 2003, hộ khẩu thường trú: Khu phố 9, phường C, thành phố T, tỉnh B) đến địa bàn thị xã B để trộm cắp tài sản. Khi đi, D1 chở Á bằng xe mô tô hiệu Luvias màu đen của D1, Th chở D bằng xe mô tô hiệu Honda Sonic màu đỏ đen, biển số 61B2-042.46, T2 chở Nh bằng xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 61C2-004.27. Đến 00 giờ ngày 12/6/2020, khi cả nhóm đi đến đoạn đường H5 thuộc khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B tìm tài sản để trộm thì bị lực lượng tuần tra của Công an phường T, ra hiệu lệnh dừng xe kiểm tra hành chính, Á cùng D1 điều khiển xe mô tô hiệu Luvias màu đen tẩu thoát, còn Th, D, Nh và T2 bị lực lượng Công an phường kiểm tra, mời về trụ sở để làm việc. Sau đó, vụ việc được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra công an tiến hành thu giữ: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Sonic màu đỏ-đen, dán decal màu đỏ, biển số: 61B2-042.46, số khung 1115JK166692; số máy: KB11E1166785 thu giữ của Nguyễn Phúc D.

Tại Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, Châu Hoài Á, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D, Nguyễn Ngọc Tuấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Theo Kết luận định giá ngày 04/8/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150cc (cũ) màu đỏ-đen, biển số 68G1-572.64 trị giá 34.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 (cũ) trị giá 600.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5S (cũ) trị giá 2.400.000 đồng. Tổng giá trị là: 37.000.000 đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Honda, biển số 61B2-042.46, xe của ông Nguyễn Hoàng V đứng tên đăng ký. Ngày 01/6/2020, ông V cho D mượn xe để đi chơi, ông V

không biết D mượn xe sử dụng phương tiện vào mục đích trộm cắp tài sản. Ngày 07/12/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B ra Quyết định xử lý vật chứng số 498 trao trả cho ông Nguyễn Hoàng V.

Ngày 07/12/2020, Công an thị xã Bến Cát ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Hoàng V số tiền 1.400.000 đồng về hành vi: “Giao xe cho người không đủ điều kiện” quy định tại điểm đ, khoản 5, Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/11/2019 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Trần Quốc N, Danh Duy T1 và Danh M yêu cầu được bồi thường dân sự theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát. Thạch, Duy, A đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền là **33.500.000 đồng** (trong đó: A bồi thường 10.000.000 đồng; Th bồi thường 5.000.000 đồng; D bồi thường 18.500.000 đồng).

Đối với đối tượng tên D1 và T1 (không rõ nhân thân, lai lịch), hiện Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Bến Cát đang tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau.

Đối với hành vi của Lê Thanh T2 và Lê Hữu N tham gia đi trộm cắp tài sản cùng Châu Hoài A cùng đồng bọn vào tối ngày 11/6/2020, do đang trên đường đi tìm kiếm tài sản, chưa thực hiện hành vi chiếm đoạt và chưa xác định được tài sản chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Tại bản Cáo trạng số 56/CT-VKSBC ngày 01/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B truy tố bị cáo Châu Hoài A, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D, Nguyễn Ngọc Tuấn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Tuấn và ông Phong đều có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do các bị cáo còn nhỏ tuổi, chưa nhận thức đầy đủ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B tại Bản Cáo trạng số 56/CT-VKSBC ngày 01/4/2021 đối với bị cáo Châu Hoài A, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D và Nguyễn Ngọc Tuấn T về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo; bị cáo Nguyễn Phúc D phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt bị cáo Châu Hoài A từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Th từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Các bị cáo Châu Hoài Â, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D, Nguyễn Ngọc Tuấn T liên đới bồi thường số tiền còn lại 3.500.000 đồng cho các bị hại.

Các bị cáo Châu Hoài Â, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D, Nguyễn Ngọc Tuấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, nội dung bản Cáo trạng số 56/CT-VKSBC ngày 01/4/2021 và Kết luận định giá ngày 04/8/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của thị xã B.

Tại phiên tòa, bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Châu Hoài Â, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D, Nguyễn Ngọc Tuấn T: Các bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và phần luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Châu Hoài Â, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D và Nguyễn Ngọc Tuấn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, các bị hại và người làm chứng tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Châu Hoài Â, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D và Nguyễn Ngọc Tuấn T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150cc giá trị 34.000.000 đồng của ông Danh M, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 giá trị 600.000 đồng của ông Trần Quốc N, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5S giá trị 2.400.000 đồng của ông Danh Duy T1. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Th, D, Â và T chiếm đoạt là: 37.000.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do các bị cáo Châu Hoài Ân, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D và Nguyễn Ngọc Tuấn T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản Cáo trạng số 56/CT-VKSBC ngày 01/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố các bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân từ nguồn thu nhập hợp pháp nhưng vì tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng cho mục đích cá nhân. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

Về vai trò: Các bị cáo phạm tội ở mức độ đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo Ân là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo Th, D, T cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Các bị cáo Th, D, T tích cực tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành. Do đó, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Ân sẽ cao hơn so với các bị cáo Th, D và T.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Ân, D, Th và T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo Ân, D và Th tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Nguyễn Phúc D phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Văn Th, Nguyễn Ngọc Tuấn T và Nguyễn Phúc D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Ân có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 do rủ rê, xúi giục bị cáo D phạm tội (thời điểm bị cáo D phạm tội chưa đủ 18 tuổi).

Xét về nhân thân: Bị cáo D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Đối với các bị cáo Châu Hoài Â, Trần Văn Th và Nguyễn Ngọc Tuấn T là người có nhân thân xấu. Ngoài phạm tội lần này, các bị cáo Â, Th còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 26/5/2019 và bị kết án hình phạt tù về tội danh này. Bị cáo T còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 03/8/2020 và bị kết án hình phạt tù về tội danh này. Do vậy, đối với bị cáo Â, Th và T cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo Châu Hoài Â, Trần Văn Th và Nguyễn Ngọc Tuấn T, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng:

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Trần Quốc N, Danh Duy T1 và Danh M yêu cầu được bồi thường dân sự theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B là 37.500.000 đồng. Các bị cáo Th, D, Â đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền là 33.500.000 đồng (trong đó: Â bồi thường 10.000.000 đồng; Th bồi thường 5.000.000 đồng và D bồi thường 18.500.000 đồng). Do đó, các bị cáo Châu Hoài Â, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D và Nguyễn Ngọc Tuấn T có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 3.500.000 đồng còn lại cho các bị hại Trần Quốc N, Danh Duy T1 và Danh M.

- Về vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Honda, biển số 61B2-042.46, xe của ông Nguyễn Hoàng V là chủ sở hữu hợp pháp. Ông V cho bị cáo D mượn xe để đi chơi, không biết bị cáo D mượn xe sử dụng phương tiện vào mục đích trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B ra Quyết định xử lý vật chứng số 498 trao trả cho ông Nguyễn Hoàng V. Việc giao trả này là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về các đối tượng khác:

Đối với đối tượng tên D1 và T2 (không rõ nhân thân, lai lịch), hiện Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B đang tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau nên không đặt ra vấn đề xử lý.

Đối với hành vi của Lê Thanh T3 và Lê Hữu N tham gia đi trộm cắp tài sản cùng Châu Hoài Â cùng đồng bọn vào tối ngày 11/6/2020, do đang trên đường đi tìm kiếm tài sản, chưa thực hiện hành vi chiếm đoạt và chưa xác định được tài sản chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**



### 1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Châu Hoài Ân, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D và Nguyễn Ngọc Tuấn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

### 2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Châu Hoài Ân. Xử phạt bị cáo Châu Hoài Ân 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 167/2020/HS-ST ngày 10/8/2020 của TAND thành phố T, tỉnh B. Buộc bị cáo Ân chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn Th. Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2.3 Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2021/HS-ST ngày 13/4/2021 của TAND thành phố T, tỉnh B. Buộc bị cáo T chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2021.

2.4 Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Phúc Duy. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc D 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Châu Hoài Ân, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D và Nguyễn Ngọc Tuấn T có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho các bị hại Trần Quốc N, Danh Duy T1 và Danh M.

### 4. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Châu Hoài Ân, Trần Văn Th, Nguyễn Phúc D và Nguyễn Ngọc Tuấn Tú, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm:

**6. Về quyền kháng cáo:**

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Thị Thanh Trúc**